



# DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

## LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG  
ngày tháng 05 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/  
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa xét nghiệm vi sinh**  
*Medical Laboratory: Microbiology Laboratory Department*

Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Nhi đồng 1**  
*Organization: Children's Hospital 1*

Lĩnh vực xét nghiệm: **Vi sinh**  
*Field of medical testing: Microbiology*

Người phụ trách/ **Lê Quốc Thịnh**  
*Representative: Le Quoc Thinh*

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 019**

Hiệu lực/ Validation: từ ngày /5/2025 đến ngày 10/3/2027

Địa chỉ/ Address : **341 đường Sư Vạn Hạnh, phường 10, quận 10, TP. HCM/ 341 Su Van Hanh Street, Ward 10, District 10, Ho Chi Minh City**

Địa điểm/ Location : **Tòa nhà D, tầng 12, số 341 đường Sư Vạn Hạnh, phường 10, quận 10, TP. HCM/ Building D, 12<sup>th</sup> Floor, 341 Su Van Hanh Street, Ward 10, District 10, Ho Chi Minh City**

Điện thoại/ Tel: **(+84 28) 39271119**

Email: **thinh.lq@nhidong.org.vn**

Website: **www.nhidong.org.vn**

**DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS*

**VILAS Med 019**

**Lĩnh vực xét nghiệm: Vi sinh**

**Discipline of medical testing: Microbiology**

| STT<br>No. | Loại mẫu<br>(chất chống<br>đông-nếu có)<br><i>Type of sample<br/>(anticoagulant-if<br/>any)</i> | Tên các chỉ tiêu xét<br>nghiệm<br><i>(The name of medical<br/>tests)</i> | Nguyên lý/ Kỹ thuật<br>xét nghiệm<br><i>(Principle/ Technical<br/>test)</i>                                           | Phương pháp xét<br>nghiệm<br><i>(Test method)</i>                                                                                                                          |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.         | Máu toàn phần<br><i>Whole Blood</i>                                                             | Cấy máu<br><i>Blood culture</i>                                          | Cấy- Định danh-<br>Kháng sinh đồ<br><br><i>Culture-<br/>Identification-<br/>Antibiotic<br/>Susceptibility Testing</i> | PR-TM-MI-001 (2024)<br>(Bac T/ALERT<br>VIRTUO; Bactec FX)<br>PR-TM-MI-027 (2025)<br>(Vitek MS; Vitek 2<br>Compact)<br>PR-TM-MI-043 (2025)<br>(Vitek MS; BD Phoenix<br>M50) |
| 2.         | Dịch não tủy<br><i>Cerebrospinal<br/>fluid (CSF)</i>                                            | Cấy dịch não tủy<br><i>CSF culture</i>                                   | Cấy- Định danh-<br>Kháng sinh đồ<br><br><i>Culture-<br/>Identification-<br/>Antibiotic<br/>Susceptibility Testing</i> | PR-TM-MI-002 (2024)<br>PR-TM-MI-027 (2025)<br>(Vitek MS; Vitek 2<br>Compact)<br>PR-TM-MI-043 (2025)<br>(Vitek MS; BD Phoenix<br>M50)                                       |
| 3.         | Dịch cơ thể & mũ<br><i>Body fluids &amp;<br/>abscesses</i>                                      | Cấy dịch cơ thể & mũ<br><i>Body fluids &amp; abscesses<br/>culture</i>   | Cấy- Định danh-<br>Kháng sinh đồ<br><br><i>Culture-<br/>Identification-<br/>Antibiotic<br/>Susceptibility Testing</i> | PR-TM-MI-004 (2024)<br>PR-TM-MI-027 (2025)<br>(Vitek MS; Vitek 2<br>Compact)<br>PR-TM-MI-043 (2025)<br>(Vitek MS; BD Phoenix<br>M50)                                       |

**DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS*

**VILAS Med 019**

| <b>STT<br/>No.</b> | <b>Loại mẫu<br/>(chất chống<br/>đông-nếu có)<br/><i>Type of sample<br/>(anticoagulant-if<br/>any)</i></b>                                                                                                                                      | <b>Tên các chỉ tiêu xét<br/>nghiệm<br/><i>(The name of medical<br/>tests)</i></b>                                                                                                         | <b>Nguyên lý/ Kỹ thuật<br/>xét nghiệm<br/><i>(Principle/ Technical<br/>test)</i></b>                                  | <b>Phương pháp xét<br/>nghiệm<br/><i>(Test method)</i></b>                                                                           |
|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.                 | Nước tiểu<br><i>Urine</i>                                                                                                                                                                                                                      | Cấy nước tiểu<br><i>Urine culture</i>                                                                                                                                                     | Cấy- Định danh-<br>Kháng sinh đồ<br><br><i>Culture-<br/>Identification-<br/>Antibiotic<br/>Susceptibility Testing</i> | PR-TM-MI-006 (2024)<br>PR-TM-MI-027 (2025)<br>(Vitek MS; Vitek 2<br>Compact)<br>PR-TM-MI-043 (2025)<br>(Vitek MS; BD Phoenix<br>M50) |
| 5.                 | Phân<br><i>Stool</i>                                                                                                                                                                                                                           | Cấy phân<br><i>Stool culture</i>                                                                                                                                                          | Cấy- Định danh-<br>Kháng sinh đồ<br><br><i>Culture-<br/>Identification-<br/>Antibiotic<br/>Susceptibility Testing</i> | PR-TM-MI-007 (2024)<br>PR-TM-MI-027 (2025)<br>(Vitek MS; Vitek 2<br>Compact)<br>PR-TM-MI-043 (2025)<br>(Vitek MS; BD Phoenix<br>M50) |
| 6.                 | Bệnh phẩm<br>đường hô hấp<br>(Đàm, Dịch hút<br>khí quản, Phết<br>mũi, Phết họng)<br><br><i>Respiratory tract<br/>samples (Sputum,<br/>Nasal tracheal<br/>aspirates, Naso-<br/>pharyngeal<br/>aspirates, Nasal<br/>swabs, Throat<br/>swabs)</i> | Cấy đàm, dịch hút khí<br>quản, phết mũi và phết<br>họng.<br><br><i>Culture for suptum,<br/>nasal tracheal aspirates,<br/>naso-pharyngeal<br/>aspirates, nasal swabs,<br/>throat swabs</i> | Cấy- Định danh-<br>Kháng sinh đồ<br><br><i>Culture-<br/>Identification-<br/>Antibiotic<br/>Susceptibility Testing</i> | PR-TM-MI-003 (2024)<br>PR-TM-MI-027 (2025)<br>(Vitek MS; Vitek 2<br>Compact)<br>PR-TM-MI-043 (2025)<br>(Vitek MS; BD Phoenix<br>M50) |

**DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS*

**VILAS Med 019**

| STT<br>No. | Loại mẫu<br>(chất chống<br>đông-nếu có)<br><i>Type of sample<br/>(anticoagulant-if<br/>any)</i>                                     | Tên các chỉ tiêu xét<br>nghiệm<br><i>(The name of medical<br/>tests)</i>                                                   | Nguyên lý/ Kỹ thuật<br>xét nghiệm<br><i>(Principle/ Technical<br/>test)</i> | Phương pháp xét<br>nghiệm<br><i>(Test method)</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 7.         | Đàm, Dịch hút<br>khí quản, Dịch<br>não tủy, Dịch cơ<br>thể<br><i>Sputum, Nasal<br/>tracheal<br/>aspirates, CSF,<br/>Body fluids</i> | Soi tìm BK/ AFB<br><i>Microscopy for BK/ AFB</i>                                                                           | Nhuộm kháng acid<br><i>Acid fast staining</i>                               | PR-TM-MI-056 (2025)<br>(Aerospray; NIKON)         |
| 8.         | Dịch não tủy<br><i>Cerebrospinal<br/>fluid (CSF)</i>                                                                                | Xét nghiệm phát hiện<br>kháng nguyên vi khuẩn<br>gây viêm màng não<br><i>Antigen detection of<br/>bacterial meningitis</i> | Ngưng kết hạt Latex<br><i>Latex agglutination<br/>slide</i>                 | PR-TM-MI-011 (2024)<br>(Hettich EBA 20S)          |
| 9.         | Huyết thanh<br><i>Serum</i>                                                                                                         | Phát hiện kháng thể<br>kháng HIV<br><i>Detection of HIV<br/>antibody</i>                                                   | Test nhanh<br><i>Rapid test</i>                                             | PR-TM-MI-019 (2024)<br>(Hettich)                  |

**Ghi chú/ Note:**

- PR-TM-MI ...: phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa xét nghiệm vi sinh cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the microbiology Department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

